

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Bùi Phương Quỳnh**

**HẢI PHÒNG – 2021**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI  
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CRYSTAL  
MARTIN VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Bùi Phương Quỳnh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG – 2021**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Sinh viên:** Bùi Phương Quỳnh

**Mã SV:** 171 240 1012

**Lớp** : QT 2101K

**Ngành** : Kế toán - Kiểm toán

**Tên đề tài:** *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam*

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

- + Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.
- + Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.
- + Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

## **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Tại: Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam - Lô R (R1) KCN Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Họ và tên** : Lê Thị Nam Phương

**Học hàm, học vị** : Thạc sĩ

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

*Bùi Phương Quỳnh*

*ThS. Lê Thị Nam Phương*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2021*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Các hình thức thanh toán trong doanh nghiệp.....	3
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp .....	5
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua .....	5
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua...	6
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp. ....	8
1.4. Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.....	11
1.4.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán .....	11
1.4.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán .....	12
1.4.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	13
1.5. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ trong doanh nghiệp .....	17
1.5.1. Tỷ giá hối đoái và quy định về tỷ giá hối đoái sử dụng trong ghi chép sổ sách kế toán .....	17
1.5.2 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ .....	18
1.6. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp. ....	20
1.6.1. Hình thức Nhật ký chung.....	20
1.6.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	21
1.6.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	22
1.6.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính .....	23
1.6.5. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:.....	25
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CRYSTAL MARTIN VIỆT NAM</b> .....	26
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	26
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	26

2.1.1.1 Thông tin chung về Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	26
2.1.1.2. Lịch sử hình thành Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	28
2.1.2.Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.....	29
2.1.2.1 Sơ đồ cấu trúc bộ máy.....	29
2.1.2.2 Chức năng nhiệm vụ các vị trí phòng ban .....	29
2.1.2.3. Cơ chế hoạt động của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.....	34
2.1.3 Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.....	35
2.1.3.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	35
2.1.3.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.....	38
2.1.3.3: Trình tự và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán. ....	40
2.1.3.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam. ....	41
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	41
2.2.1. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.....	41
2.2.2 Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	55
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CRYSTAL MARTIN VIỆT NAM .....</b>	<b>71</b>
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam. ....	71
3.1.1. Ưu điểm.....	71
3.1.2. Hạn chế.....	72
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	75
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	75
3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.....	76
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>85</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>87</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung .....	21
Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái .....	22
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ .....	23
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy .....	24
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ ...	25
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cấu trúc bộ máy của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam .....	29
Sơ đồ 2.2: Mô hình bộ máy kế toán của công ty được tổ chức.....	35
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung .....	40
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.....	43
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.....	57



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000185.....	45
Biểu số 2.2: Giấy báo có của ngân hàng.....	46
Biểu số 2.3: Giấy báo có của ngân hàng.....	47
Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 002287.....	49
Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung.....	50
Biểu số 2.6 : Trích sổ cái tài khoản 131.....	51
Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng.....	52
Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng.....	53
Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.....	54
Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 0000 886.....	59
Biểu số 2.11: Ủy nhiệm chi.....	60
Biểu số 2.12: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	61
Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT số 0000 916.....	63
Biểu số 2.14: Ủy nhiệm chi.....	64
Biểu số 2.15: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	65
Biểu số 2.16: Nhật ký chung.....	66
Biểu số 2.17: Trích sổ cái tài khoản 331.....	67
Biểu số 2.18: Sổ chi tiết phải trả người bán.....	68
Biểu số 2.19: Sổ chi tiết phải trả người bán.....	69
Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp phải trả người bán.....	70
Biểu số 3.1: Báo cáo tính hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2020.....	74

## LỜI MỞ ĐẦU

Tình hình tài chính của Doanh nghiệp phản ánh tình hình hoạt động của Doanh nghiệp có hiệu quả hay không. Doanh nghiệp phải xem cả tình hình tài chính của Doanh nghiệp mình mới có thể ra các quyết định kí kết hợp đồng có đủ khả năng thanh toán để đảm bảo an toàn và hiệu quả cho Doanh nghiệp.

Có thể nói rằng, các nghiệp vụ thanh toán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển.

Trong tình hình Việt Nam đang hòa mình vào nền kinh tế thế giới, đối mặt với nhiều khó khăn thử thách thì các doanh nghiệp nói chung và đối với Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam nói riêng cần phải có những biện pháp để củng cố và phát huy địa vị hơn nữa. Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam là công ty kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp nên phải đặc biệt quan tâm đến quan hệ thanh toán với người mua và người bán. Giải quyết tốt vấn đề công nợ là một các tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán là việc làm thật sự cần thiết và có ý nghĩa.

Sau quá trình học tập và nghiên cứu tại trường có được những kiến thức cơ bản và đặc biệt trong quá trình thực tập tại phòng Kế toán Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam, em đã chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam***” làm đề tài khóa luận.

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương :

*Chương 1 : Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.*

*Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.*

*Chương 3 : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.*

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình của giáo viên hướng dẫn – ThS. Lê Thị Nam Phương, cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên bài khóa luận của em

không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để có thể bổ sung, nâng cao trình độ cũng như kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này.

*Em xin chân thành cảm ơn !*

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.

#### 1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

Tại bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế trong đó có các vấn đề liên quan tới thanh toán như: thanh toán với Nhà nước, với nhân viên, thanh toán nội bộ, thanh toán với người mua, nhà cung cấp,... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người cung cấp.

Các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nó góp phần theo dõi tình hình thanh toán của doanh nghiệp, từ đó có phương án quản lý kịp thời.

Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua và người bán gắn liền với quá trình mua vào và bán ra hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán sẽ có ảnh hưởng nhất định tới việc ghi chép của kế toán. Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,... nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nó không những giúp doanh nghiệp nắm được đầy đủ kịp thời tình hình thu nợ với khách hàng và nghĩa vụ thanh toán với người bán mà còn giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản trị nhanh chóng, kịp thời trong việc quản lý vốn của đơn vị mình.

#### 1.2. Các hình thức thanh toán trong doanh nghiệp

**Thanh toán:** là thuật ngữ ngắn gọn mô tả việc chuyển giao tài sản từ một bên sang cho một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm, dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

**Hình thức thanh toán:** Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc,... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong

giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Có hai phương thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- **Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:** Là hình thức bán hàng thu tiền ngay, bên mua sẽ xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư, hàng hóa. Phương thức này thường được áp dụng đối với những giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ (hiện nay áp dụng đối với những khoản nhỏ hơn 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản, khoảng cách giữa hai bên hẹp.

- **Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt:** Thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán.

Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là phương thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như giấy nhờ thu, giấy ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của đơn vị này sang tài khoản của đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ.

Trong tương lai, theo đà phát triển của xã hội và theo nhu cầu của thị trường, thanh toán không dùng tiền mặt sẽ giữ một vị trí cực kỳ quan trọng trong việc lưu chuyển tiền tệ và trong thanh toán giá trị của nền kinh tế.

- **Phương thức thanh toán ủy nhiệm chi:** là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

- **Phương thức nhờ thu phiếu trơn:** là phương thức nhờ thu trong đó người xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền từ người nhập khẩu căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra còn chứng từ hàng hóa thì gửi thẳng cho người

nhập khẩu, không gửi cho ngân hàng. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

- **Phương thức nhờ thu kèm chứng từ:** là phương thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

**Phương thức tín dụng chứng từ:** là phương thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng- letter of credit) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng.

### **1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp**

#### **1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua**

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính. Không phản ánh vào nội dung này các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ trả tiền ngay.

- Đối với các khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

- Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

- Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Cần phải phân loại các khoản phải thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng nhất là những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.

### ***1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua***

#### **a. Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn GTGT( hay hóa đơn bán hàng).
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có Ngân hàng.
- Biên bản bù trừ công nợ.
- Giấy nộp tiền.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### **b. Tài khoản sử dụng**

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

#### **Bên Nợ:**

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ đã giao, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.

#### **Bên Có:**

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;

- Khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại hay chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại cho khách hàng.

- Số tiền đã nhận ứng trước của khách hàng;

+ **Số Dư Bên Nợ:**

- Số tiền còn phải thu của khách hàng.

+ **Số Dư Bên Có (nếu có):**

- Phản ánh số tiền đã nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

### **c. Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.

- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.

- Sổ cái tài khoản 131,...



**1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.**

(1). Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2). Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(3). Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng

hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5212)(giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

(4). Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(5). Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

(6). Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

c) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

d) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

đ) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(7). Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611- Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(8). Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(9). Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

#### **1.4. Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp**

##### ***1.4.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán***

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Đồng thời

cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người bán kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả nhà cung cấp theo từng đối tượng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hồi nợ.

- Đối với các nhà cung cấp giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

- Đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

- Đối với các khoản phải trả phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Cần phải phân loại các khoản phải trả khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng để có kế hoạch thanh toán phù hợp.

#### ***1.4.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán***

##### **\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

##### **\* Tài khoản và sổ sách sử dụng**

➤ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán

Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài

khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

+ **Bên Nợ:**

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hoá hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hoá thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hoá, dịch vụ;

+ **Bên Có:**

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ ;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.

+ **Số dư bên Có:**

- Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp.
- Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ, số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán;
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán; Sổ cái các tài khoản 331, 111, 112,...

### **1.4.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán**

(1). Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a) Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(2). Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a. Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

b. Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(3). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

(4). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí bán hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 156, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(5). Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XDCB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:



Nợ TK 241 - XDCB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(6). Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

(7). Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(8). Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá

công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

(9). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

(10). Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

## **1.5. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ trong doanh nghiệp**

### ***1.5.1. Tỷ giá hối đoái và quy định về tỷ giá hối đoái sử dụng trong ghi chép sổ sách kế toán***

+ **Tỷ giá:** Tỷ giá (còn được gọi là tỷ giá trao đổi ngoại tệ) giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

#### **+ Quy định về sử dụng tỷ giá :**

Tỷ giá ghi sổ gồm: Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập) hoặc tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy

tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh : Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

**+ *Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:***

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào: Tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

***1.5.2 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ***

***a. Tài khoản sử dụng***

- 131 - Phải thu khách hàng
- 331 - Phải trả người bán
- 635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)
- 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)
- ...

***b. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ***

- *Tại thời điểm ghi nhận doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, kế toán ghi:*

Nợ TK 131 (Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế)

Có TK 511 (Tỷ giá thực tế)

Có TK 3331 (Tỷ giá thực tế)

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111(1112),112(1122) - Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính ( Lỗ tỷ giá hối đoái )

Có TK 131- Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 111(1112),112(1122) - Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 131 - Tỷ giá ghi sổ kế toán

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

**c. Kế toán các nghiệp vụ phát sinh thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ**

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 153, 211 - tỷ giá thực tế

Nợ TK 133 - VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 - phải trả cho người bán (tỷ giá ghi sổ kế toán)

- Khi thanh toán:

Nợ TK 331 - tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 - nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK111, 112... - số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

Nợ TK 331 - tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 111,112... - số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế .

Có TK 515 - nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 – Phải trả người bán.

### **1.6. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.**

Theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp được phép tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp các doanh nghiệp không thể tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo hướng dẫn tại phụ lục số 4 theo TT 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính. Theo phụ lục này, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.
- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ;

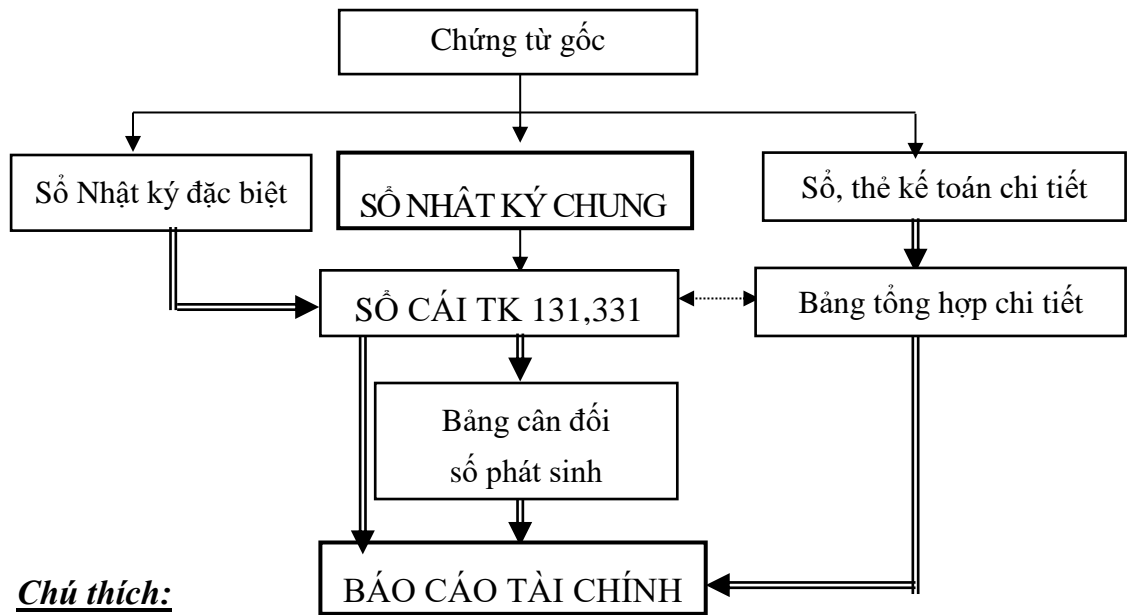
#### **1.6.1. Hình thức Nhật ký chung**

Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật kí chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



**Chú thích:**

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

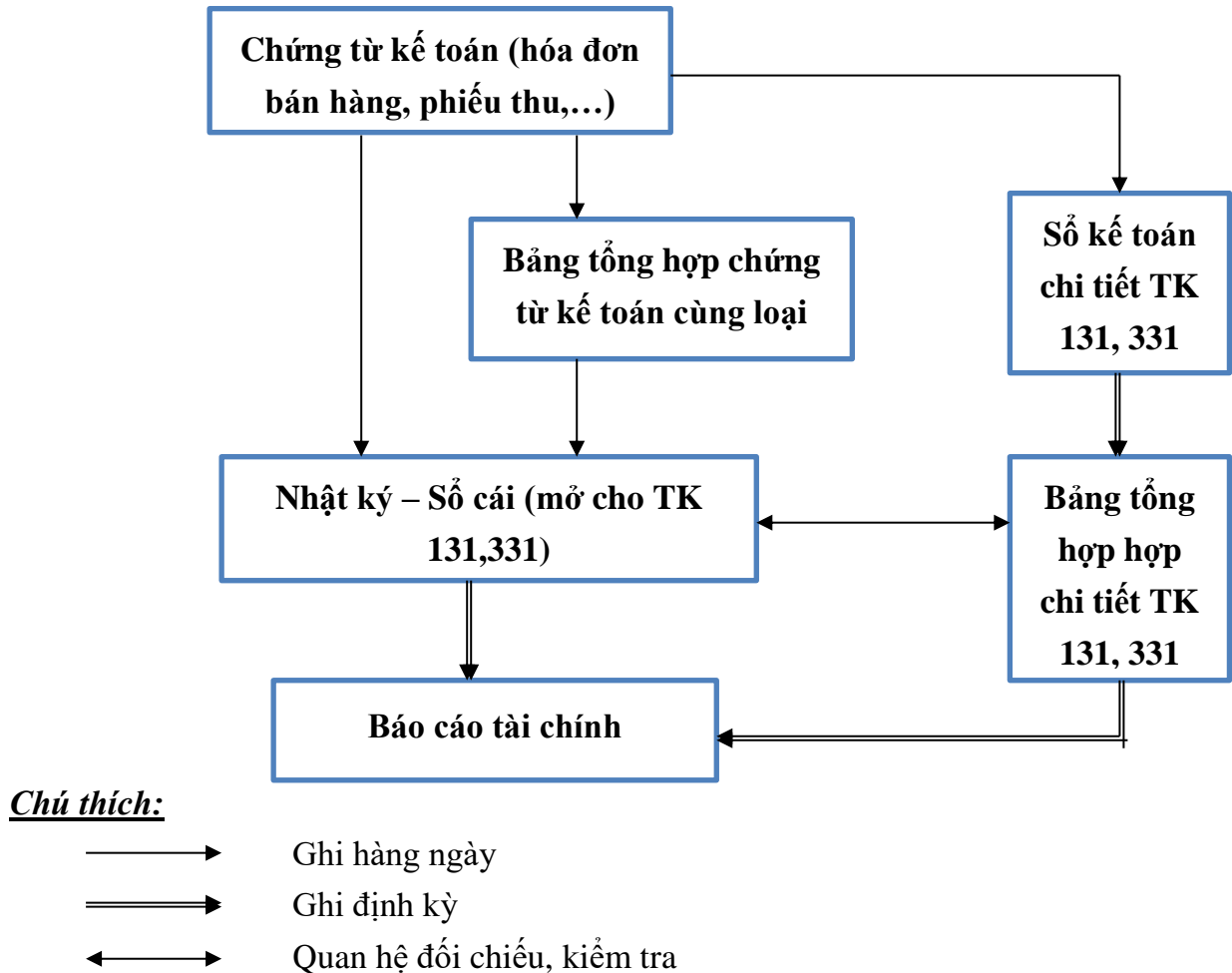
### 1.6.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật kí sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

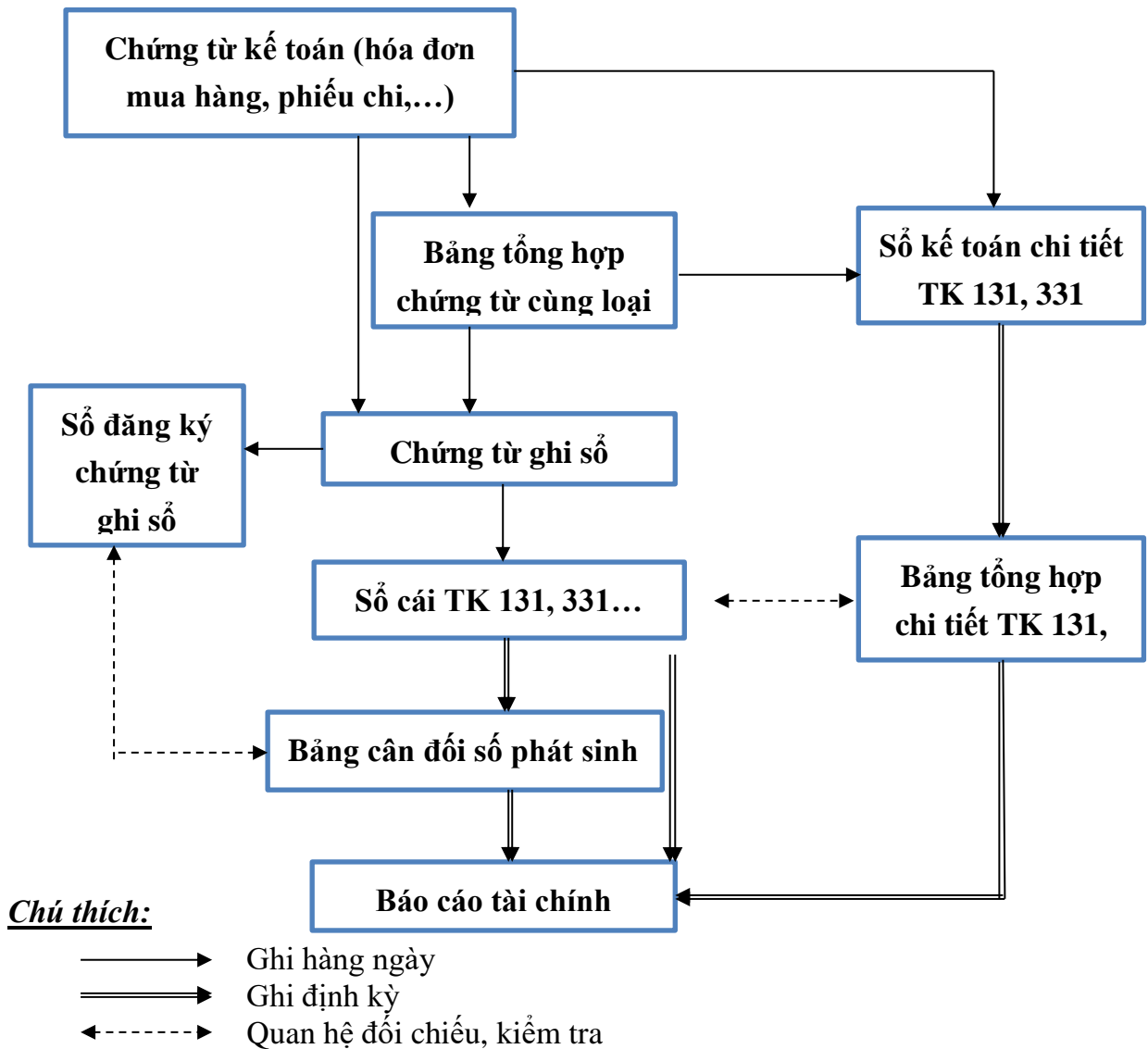
### 1.6.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng kí lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

#### 1.6.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính.



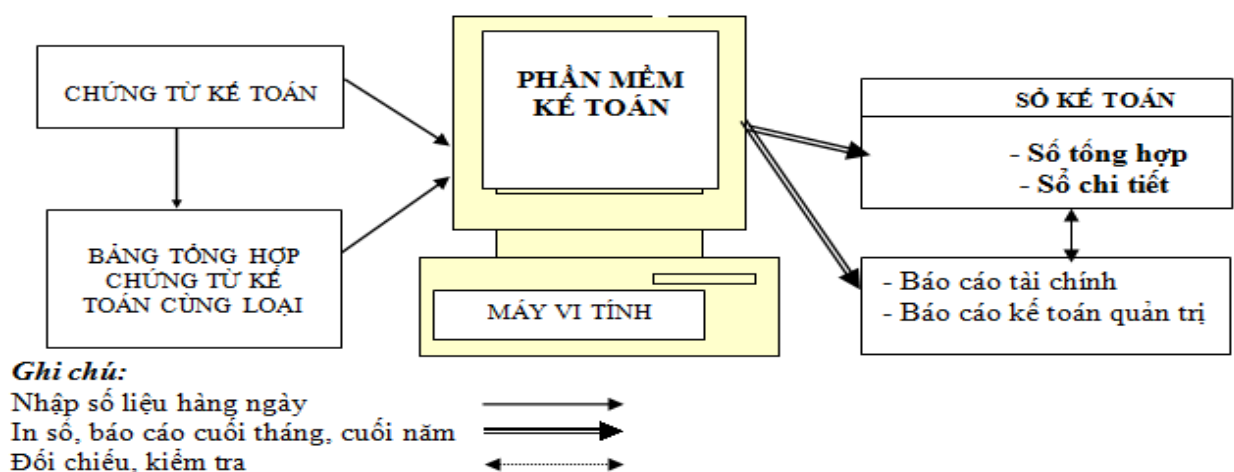
Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:*

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

**1.6.5. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ ( NKCT):

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế ( theo tài khoản).

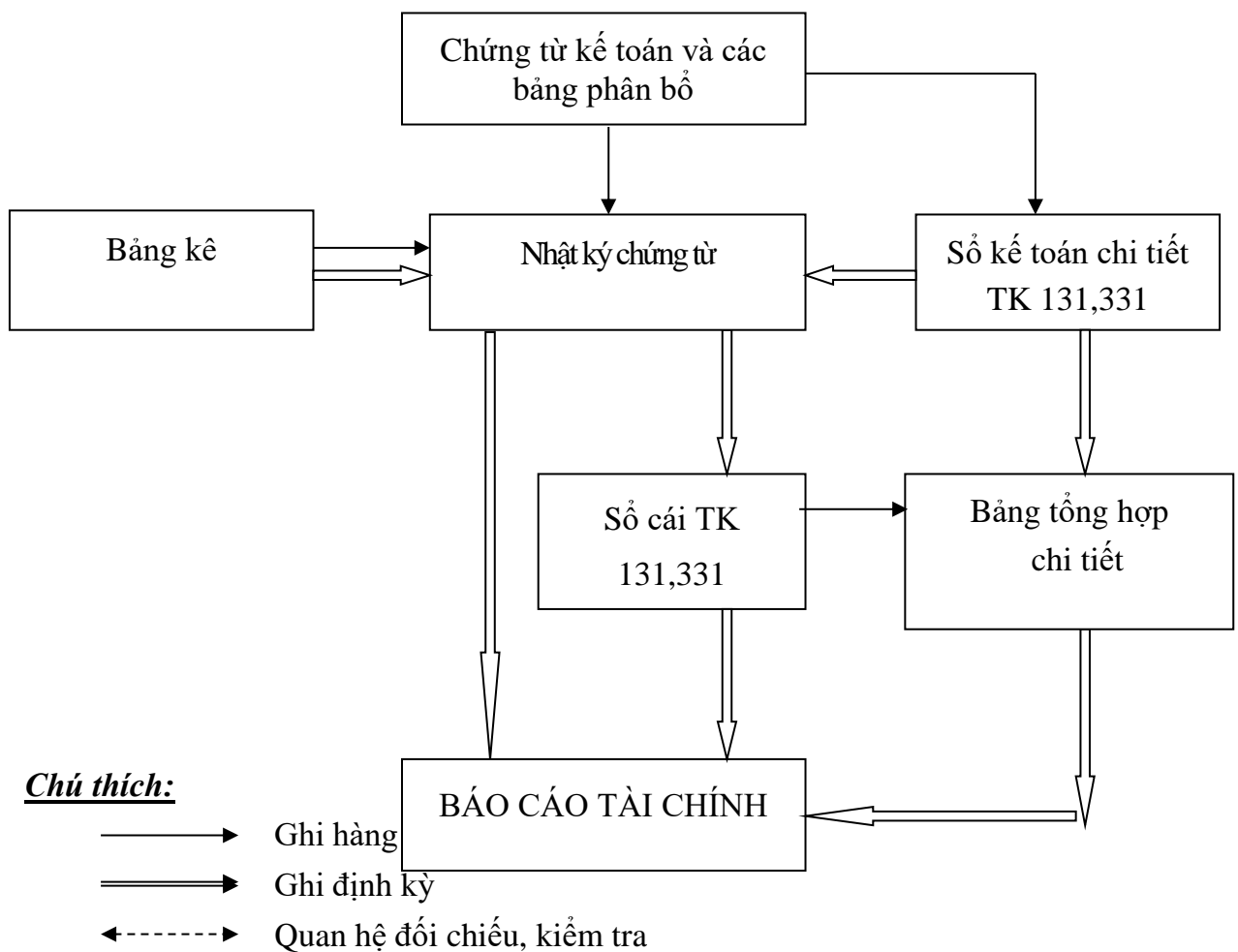
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ; Bảng kê; Sổ cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CRYSTAL MARTIN VIỆT NAM.**

#### **2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

###### **2.1.1.1 Thông tin chung về Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam

Tên viết tắt: CMVN

Logo công ty:



Là thành viên của tập đoàn may mặc đa quốc gia “Crystal Group”

Địa chỉ: Lô R (R1) KCN Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang

Loại hình DN: Công ty TNHH 100% vốn nước ngoài

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 2117345132

Nơi cấp: UBND Tỉnh Bắc Giang

Chứng nhận lần đầu: ngày 21 tháng 05 năm 2010

Mã số thuế: 2400515053

Chủ sở hữu: CRYSTAL MASTER LIMITED

Người đại diện Pháp luật: Mr Lo Lok Fung, Kenneth

Lĩnh vực mục tiêu dự án: Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da, lông thú); sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; hoàn thiện sản phẩm dệt; in trực tiếp lên vải dệt. Sản phẩm của công ty sản xuất ra được cung cấp cho các công ty thành viên ở Việt Nam, xuất về công ty mẹ tại Hồng Kong hoặc tiêu thụ ở thị trường Việt Nam.

#### **Chức năng, quy mô dự án:**

Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; hoàn thiện sản phẩm dệt; in trực tiếp lên vải dệt.

Diện tích đất sử dụng: 80.609 M2

Vốn điều lệ: 2.000.000 USD

Tổng vốn đầu tư: 20.000.000 USD thực hiện trong 46 năm

Quy mô dự án: 60.000.000 sản phẩm/năm.

**Nhiệm vụ:**

Công ty có nhiệm vụ tổ chức kinh doanh sản xuất các ngành hàng, mặt hàng đã đăng ký và các mặt hàng không nằm trong danh mục nhà nước cấm, kinh doanh đúng pháp luật Nhà Nước quy định, bảo toàn vốn và phát triển lợi nhuận ngày càng.

Tổ chức thực hiện chế độ hạch toán kế toán và quản lý tài chính, quản lý tài sản, quản lý lao động và tiền lương

Hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

Thực hiện đầy đủ các chính sách, quy định của pháp luật lao động; chăm lo đào tạo và phát triển nguồn nhân sự có trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu điều kiện kinh doanh ngày càng đa dạng và phức tạp đáp ứng nhu cầu kinh tế thị trường.

Bảo vệ môi trường, bảo vệ sản xuất, bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội.

**Quan điểm phương châm hoạt động:**

Tổ chức thực hiện chế độ hạch toán kế toán và quản lý tài chính, quản lý tài sản, quản lý lao động và tiền lương.

Hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

Thực hiện đầy đủ các chính sách, quy định của pháp luật lao động; chăm lo đào tạo và phát triển nguồn nhân sự có trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu điều kiện kinh doanh ngày càng đa dạng và phức tạp đáp ứng nhu cầu kinh tế thị trường.

Bảo vệ môi trường, bảo vệ sản xuất, bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội.

Tám giá trị cốt lõi là: Chính trực, tôn trọng mọi người, liên tục đổi mới, khích lệ người khác, làm hài lòng khách hàng, chất lượng là hàng đầu, cam kết tăng trưởng, sự phát triển không biên giới

Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam định hướng đổi mới với những vận động mạnh mẽ về chiều sâu, mở thêm nhiều xưởng sản xuất, thu hút thêm nhiều nhân lực mới, có chất lượng cao, công ty có kế hoạch trở mình để trở thành một công ty lớn mạnh trong khu vực. Với tốc độ tăng trưởng hiện tại công ty đang dồn lực để phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

#### *2.1.1.2. Lịch sử hình thành Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam*

Năm 2010, công ty mới được thành lập, kinh nghiệm chưa nhiều nên việc kinh doanh còn hạn chế. Trong thời gian hoạt động công ty đã không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động. Với sự năng động sáng tạo nhiệt huyết trong công việc của ban lãnh đạo trong công ty cùng với sự phát triển và thâm nhập thị trường, đến nay công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp uy tín.

Năm 2012, công ty bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất tại 2 nhà xưởng thuê: C4+C5 tại KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang

Đến tháng 5 năm 2014, Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam Khởi công xây dựng nhà máy sản xuất giai đoạn thứ nhất xưởng sản xuất & dãy nhà văn phòng carteen & công trình phụ trợ (R1 – A) công suất 10 triệu sản phẩm 1 năm. Công ty thời kì này chủ yếu sản xuất các bộ phận đơn giản của sản phẩm may mặc như cổ áo, gấu áo hoặc hoàn thiện khâu: đính cúc, khuy áo.

Từ tháng 05 năm 2014, công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam) đã tăng vốn điều lệ lên 45.000.000.000 đồng và mở thêm một số loại hình kinh doanh như sản xuất sản phẩm: áo phông, áo sơ mi, bên cạnh việc gia công phụ kiện và bộ phận của sản phẩm may mặc. Lúc này, công ty đã tuyển thêm nhân sự để đảm bảo cho hoạt động của công ty tốt hơn và đã có 4000 công nhân viên.

Năm 2015: công ty chính thức đi vào hoạt động tại nhà máy R1-A. Công ty xây dựng dự án nhà xưởng giai đoạn 2 theo GCNDT: R1-B công suất 10 triệu sản phẩm/năm.

Năm 2016 nhà xưởng thứ 2: R1-B đi vào hoạt động, sản lượng sản xuất của công ty tăng mạnh, số lượng công nhân viên của công ty cũng tăng lên.

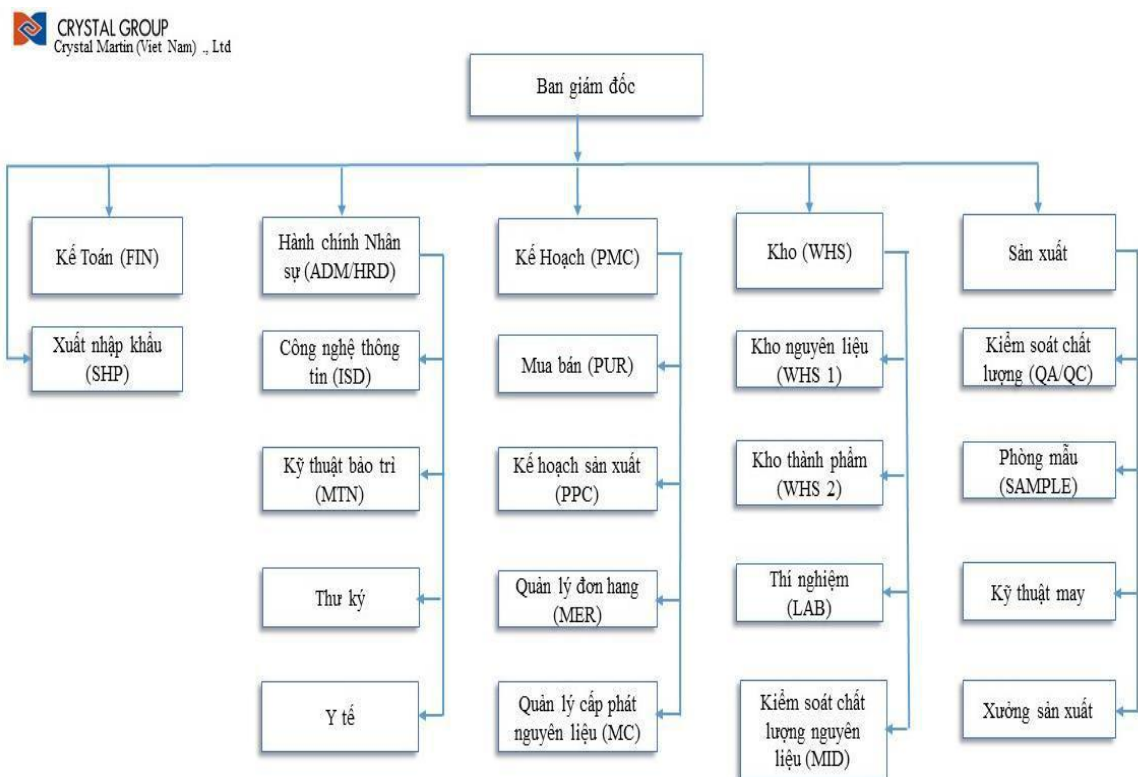
Từ tháng 2 năm 2020, công ty tăng vốn điều lệ lên 49.000.000.000 đồng và

mở rộng sản phẩm sản xuất như trang phục, bikini, phụ kiện đi kèm với quần áo... Số lượng công nhân viên lúc này là 5000.

Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam từ lúc thành lập đến nay đã được hơn 8 năm, trải qua thời gian dài phấn đấu và trưởng thành, tạo dựng uy tín nơi khách hàng. Thế mạnh của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam là kết hợp đầy đủ các nhiệm vụ thiết kế tạo ra các công trình mang phong cách hiện đại, chất lượng quốc tế với giá nội địa. Bằng cách này công ty cung cấp tại chỗ các dịch vụ tư vấn, xây dựng tổng hợp và đa ngành trên cơ sở các kinh nghiệm thu được trên toàn thế giới của các chuyên gia Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam Qua đó công ty đóng góp một cách hiệu quả vào việc thực hiện thành công công tác quy hoạch thiết kế, thi công, nghiệm thu, vận hành các dự án và chương trình của khách hàng hay hoạch định kế hoạch phát triển tối ưu trong tương lai

## 2.1.2. Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam

### 2.1.2.1 Sơ đồ cấu trúc bộ máy



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cấu trúc bộ máy của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam

### 2.1.2.2 Chức năng nhiệm vụ các vị trí phòng ban

- **Giám đốc công ty**

Người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật để bảo vệ cho quyền lợi của công ty và tranh chấp, giải quyết các vấn đề về lợi ích của công ty; chịu trách nhiệm cao nhất trước pháp luật nhà nước về mọi hoạt động của công ty; quyết định các phương án chiến lược phát triển toàn diện công ty dài hạn, trung hạn và ngắn hạn; thiết lập phương án hoạt động và tổ chức điều hành mọi hoạt động của doanh nghiệp đúng với pháp luật nhà nước.

- **Phó giám đốc công ty:**

Giúp giám đốc công ty điều hành các đơn vị trực thuộc và các bộ phận trong doanh nghiệp tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công, chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty và trước pháp luật về các công việc thuộc công việc trực tiếp điều hành; được giám đốc công ty ủy quyền; thay mặt giám đốc quyết định các vấn đề nội bộ công ty và quan hệ với các đơn vị theo phạm vi ủy quyền của giám đốc công ty.

- **Phòng kế toán (FIN):**

Có chức năng điều hành tổ chức toàn bộ hoạt động tài chính kế toán của công ty, nhằm sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm, đạt được mục tiêu về lợi ích kinh tế cũng như lợi ích về xã hội của công ty, lập các báo cáo tài chính gửi lên cấp trên, quản lý tài chính, trả lương, phụ cấp cho nhân viên.

Lập báo cáo quản lý nguồn lực tài chính của doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn giúp ban giám đốc nắm bắt tình hình tài chính doanh nghiệp.

- **Phòng xuất nhập khẩu (SHP):**

Thực hiện các hoạt động xuất nhập hàng hóa, thiết bị cho doanh nghiệp, đảm bảo kịp thời hoạt động nhập xuất hàng hóa duy trì hoạt động của doanh nghiệp

Lập kế hoạch xuất nhập hàng hóa, kết hợp các bộ phận liên quan giúp ban giám đốc quản lý hoạt động nhập xuất hàng hóa theo quy định.

- **Phòng hành chính nhân sự (ADM/HRD):**

Quản lý nhân sự của công ty đề ra các chiến lược nhân sự trong từng giai đoạn phát triển của công ty. Phối hợp các phòng khác của công ty thực tuyển



dụng nhân sự cho công ty.

- **Bộ phận công nghệ thông tin (ISD):**

Quản lý các hệ thống công nghệ thông tin trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Duy trì hoạt động ổn định, định kỳ bảo dưỡng sửa chữa các hệ thống kiểm soát các kênh thông tin quản lý nội bộ doanh nghiệp như: mạng internet, email, máy tính, phần mềm quản lý doanh nghiệp.....

- **Bộ phận kỹ thuật bảo trì (MTN):**

Bảo trì bảo dưỡng lắp đặt các trang thiết bị máy móc phục vụ cho dây chuyền sản xuất trong doanh nghiệp

Định kỳ bảo dưỡng sửa chữa các trang thiết bị như: Máy may, máy phát điện, hệ thống động cơ, hệ thống chiếu sáng, thông gió, hệ thống an toàn cứu sinh cứu hỏa.....

- **Thư ký:**

Giúp ban giám đốc nắm bắt thông tin sắp xếp kế hoạch làm việc duy trì bộ máy quản lý hoạt động

- **Y tế:**

Phòng y tế chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cán bộ công nhân viên lao động sản xuất.

- **Phòng kế hoạch (PMC):**

Tham mưu cho giám đốc công ty lập kế hoạch và tổ chức điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất của doanh nghiệp đảm bảo hoàn thành tốt mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo hoàn thành tốt mục tiêu nhiệm vụ đề ra. Cụ thể là:

Lập kế hoạch mục tiêu và các biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất ngắn hạn và dài hạn đúng chủ trương, định hướng của Nhà nước, của Ngành và phù hợp với điều kiện hoạt động của doanh nghiệp.

Nghiên cứu xu hướng vận động của thị trường và những định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của nền kinh tế và của ngành để tham mưu cho giám đốc công ty lập định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của



doanh nghiệp và thiết lập mạng lưới sản xuất kinh doanh.

Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý điều hành sản xuất kinh doanh nội bộ đơn vị, tham gia cùng các phòng và các bộ phận khác trong công ty để xây dựng các quy định thuộc lĩnh vực khác trong hoạt động của doanh nghiệp.

- **Phòng mua bán (PUR):**

Nhận theo dõi kế hoạch sản xuất, lên kế hoạch đặt mua nguyên phụ liệu, tìm kiếm nhà cung cấp nguyên phụ liệu

Theo dõi quản lý kế hoạch đặt mua nguyên phụ liệu, ký kết hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu

Giúp ban giám đốc tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên phụ liệu ổn định chất lượng, hiệu quả kinh tế tốt.

- **Kế hoạch sản xuất(PPC):**

Dựa theo đơn đặt mua, sản xuất thành phẩm, các hợp đồng đã ký kết với khách hàng, giúp ban giám đốc lên kế hoạch sắp xếp sản xuất.

Gửi cung cấp kế hoạch sản xuất cho bộ phận sản xuất, cho các bộ phận liên quan để chuẩn bị cho quá trình sản xuất thành phẩm

- **Quản lý đơn hàng (MER):**

Theo dõi quản lý trực tiếp các đơn hàng sản xuất theo đúng yêu cầu của khách hàng, cung cấp thông tin đơn hàng cho các bộ phận liên quan

Hướng dẫn các bộ phận đảm bảo đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng.

- **Quản lý cấp phát nguyên phụ liệu (MC):**

Theo dõi cân đối lượng nguyên phụ liệu đảm bảo cung ứng kịp thời cho bộ phận sản xuất

Tạo các lệnh cấp nguyên phụ liệu cho bộ phận kho nguyên liệu để cấp phát nguyên liệu cho bộ phận sản xuất.

Kho: Làm nhiệm vụ tiếp nhận lưu trữ nguyên phụ liệu, bảo quản kiểm đếm số lượng chất lượng nguyên liệu vật tư hàng hóa, thực hiện báo cáo nhập xuất tồn nguyên phụ liệu giúp ban giám đốc các bộ phận liên quan nắm bắt được thông tin đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất.

Thực hiện kiểm kê số lượng nguyên phụ liệu và thành phẩm nhập xuất kho theo định kỳ theo quy định cho ban tài chính kế toán

Lập kế hoạch giao nhận hàng hóa cho các bộ phận liên quan, giao hàng cho khách hàng.... theo kế hoạch của bộ phận kế hoạch

- **Kho nguyên liệu (WHS 1):**

Quản lý lưu trữ bảo quản nguyên phụ liệu, sắp xếp khai thác nhận nguyên liệu từ nhà cung cấp, giao nguyên liệu theo kế hoạch của bộ phận MC cho bộ phận sản xuất tiến hành sản xuất thành phẩm....thực hiện theo dõi báo cáo nhập xuất hàng hóa trong kho nguyên phụ liệu.

- **Kho thành phẩm (WHS 2):**

Quản lý đóng gói hoàn thiện lưu trữ thành phẩm, nhận thành phẩm từ bộ phận sản xuất, giao thành phẩm cho khách hàng....thực hiện các báo cáo nhập xuất hàng hóa theo quy định.

- **Phòng thí nghiệm (LAB):**

Kiểm tra chất lượng thí nghiệm tiêu chuẩn chất lượng đảm bảo yêu cầu của khách hàng.

- **Kiểm soát chất lượng nguyên phụ liệu (MID):**

Kiểm soát chất lượng số lượng phân loại nguyên phụ liệu kết hợp cùng WHS 1 đảm bảo cấp phát nguyên phụ liệu tốt cho bộ phận sản xuất.

Bộ phận sản xuất: nhận kế hoạch sản xuất từ bộ phận kế hoạch sắp xếp nhận lực sản xuất, đảm bảo sản lượng, chất lượng thành phẩm sản xuất theo đúng yêu cầu tiêu chuẩn của khách hàng đặt mua.

- **Kiểm soát chất lượng (QA/QC):**

Dựa theo tiêu chuẩn chất lượng đã thỏa thuận ký kết với khách hàng, tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm đảm bảo ổn định chất lượng, kiểm soát chất lượng trên dây chuyền, kiểm soát kỹ thuật trước khi nhập thành phẩm vào kho thành phẩm, theo dõi thống kê sản lượng thành phẩm đạt chất lượng, thực hiện các báo cáo chất lượng số lượng theo yêu cầu của ban giám đốc

- **Phòng mẫu:**

Xây dựng sơ đồ mẫu mã thiết kế theo yêu cầu kỹ thuật cung cấp cho

xưởng sản xuất các sản phẩm mẫu tiêu chuẩn...

- **Kỹ thuật may:**

Hỗ trợ đào tạo công nhân kỹ thuật sản xuất, kiểm soát kỹ thuật, hỗ trợ nâng cao năng xuất lao động, hạn chế lỗi hỏng trong quá trình sản xuất

- **Xưởng sản xuất:**

Trực tiếp sản xuất sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo hoàn thành tốt sản lượng chất lượng & số lượng thành phẩm theo yêu cầu.

### *2.1.2.3. Cơ chế hoạt động của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam*

- ❖ *Cơ chế hoạt động của ban lãnh đạo với nhau*

Giám đốc điều hành ra các quyết định và chỉ đạo cho các phó giám đốc điều hành. Sau khi nhận được quyết định, phó giám đốc thực hiện và chỉ đạo cho các phòng ban.

- ❖ *Cơ chế hoạt động của lãnh đạo xuống các phòng ban*

Giám đốc chỉ đạo xuống các phó giám đốc. Phó giám đốc điều hành sẽ chỉ đạo trực tiếp xuống phòng kế hoạch. Phó giám đốc điều hành sẽ chỉ đạo phòng kế toán và phòng hành chính – nhân sự, kho, bộ phận sản xuất

Các phòng ban sau khi nhận được chỉ thị từ cấp trên, nếu có vấn đề gì cần bổ sung hoặc thắc mắc sẽ liên hệ ngược lại với các phó giám đốc điều hành. Trong trường hợp các phó giám đốc không xử lý được sẽ gặp trực tiếp giám đốc điều hành.

Phó giám đốc trao đổi lại với giám đốc và tìm hướng khắc phục những sự cố không may xảy ra trong lúc hoạt động.

- ❖ *Cơ chế hoạt động giữa các phòng ban*

Phòng kế hoạch nhận đơn hàng lên kế hoạch sản xuất, thông báo cho các bộ phận liên quan chuẩn bị cho quá trình sản xuất, chuẩn bị tìm kiếm nhà cung cấp ký kết hợp đồng cung ứng nguyên phụ liệu cho xưởng sản xuất.

Bộ phận kỹ thuật sản xuất xác định số lượng cũng như chủng loại nguyên vật liệu cần thiết, lập phiếu công nghệ và định mức. Bản kế hoạch này được chuyển cho phòng kỹ thuật để tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất.

Phòng xuất nhập khẩu lên kế hoạch nhập xuất nguyên phụ liệu thành phẩm cho nhà máy

Phòng kế toán theo dõi quản lý tài chính, theo dõi công nợ.....

Bộ phận kho tiếp nhận nguyên phụ liệu lưu trữ bảo quản nguyên phụ liệu cấp phát nguyên phụ liệu cho sản xuất theo lệnh từ bộ phận kế hoạch.

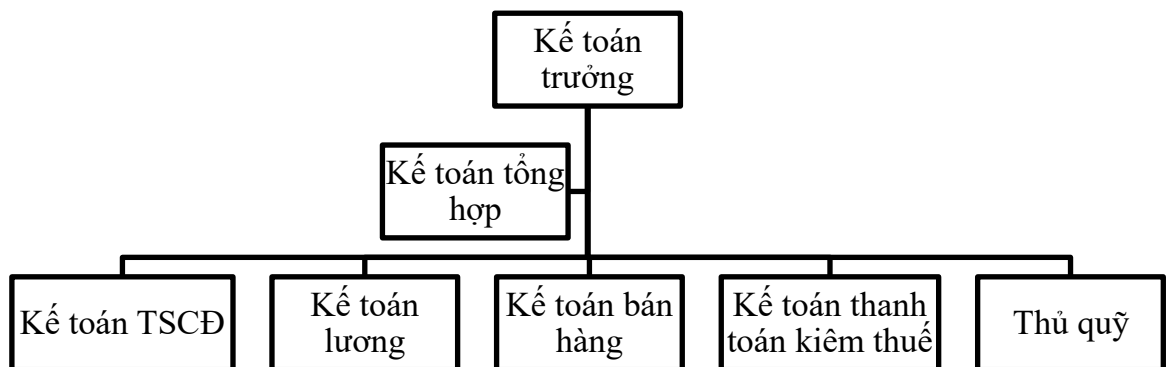
Bộ phận sản xuất tiếp nhận kế hoạch sắp xếp nhân lực trang thiết bị chuẩn bị cho quá trình sản xuất.

Các bộ phận kỹ thuật hỗ trợ về mặt kỹ thuật đảm bảo cho bộ sản xuất vận hành tốt nhất.

### ***2.1.3 Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam***

#### ***2.1.3.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam***

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của công ty, đồng thời để sử dụng tốt nhất năng lực của đội ngũ kế toán và đảm bảo thông tin nhanh gọn chính xác, theo dõi kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Công ty áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung phù hợp với điều kiện của công ty.



#### ***Sơ đồ 2.2: Mô hình bộ máy kế toán của công ty được tổ chức***

• **Kế toán trưởng:** Đóng vai trò giám sát tài chính, điều hành mọi công tác kế toán trong doanh nghiệp.

✓ Phê duyệt bởi kế toán, thực hiện kiểm tra và tổng hợp các số liệu của kế toán bán hàng .

✓ Đồng thời kế toán trưởng cũng có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế thể hiện các trách nhiệm tài chính của công ty đối với nhà nước và các bên liên quan.

✓ Qua các thông tin kế toán phản ánh, kế toán trưởng tiến hành những

phân tích tài chính từ đó lập các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn cho công ty.

✓ Giải trình số liệu và cung cấp hồ sơ, số liệu cho cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra kiểm tra theo yêu cầu của phụ trách văn phòng KT - TV

✓ Lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết

• **Kế toán tổng hợp:** Là người giám sát các kế toán, yêu cầu các kế toán điều chỉnh nghiệp vụ kinh tế phát sinh khi xảy ra sai sót

✓ Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp.

✓ Kiểm tra các định khoản nghiệp vụ phát sinh

✓ Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp

✓ Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết.

✓ Hạch toán thu nhập, chi phí, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT và báo cáo thuế khối văn phòng CT, lập quyết toán văn phòng công ty.

✓ Theo dõi công nợ khối văn phòng công ty, quản lý tổng quát công nợ toàn công ty.

✓ In sổ chi tiết và tổng hợp khối văn phòng, tổng hợp theo công ty theo quy định

✓ Hướng dẫn xử lý và hạch toán các nghiệp vụ kế toán

✓ Cải tiến phương pháp hạch toán và chế độ báo cáo

✓ Thống kê và tổng hợp số liệu kế toán khi có yêu cầu để cung cấp số liệu cho ban giám đốc hoặc các đơn vị chức năng.

✓ Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định

• **Kế toán bán hàng:**

✓ Ghi chép phản ánh kịp thời đầy đủ và chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp cả về giá trị và số lượng hàng bán trên từng mặt hàng, từng địa điểm bán hàng, từng phương thức bán hàng.

✓ Tính toán và phản ánh chính xác tổng giá tính toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, thuế giá trị gia tăng đầu ra của từng nhóm hàng,

từng hoá đơn khách hàng, từng đơn vị trực thuộc (theo các cửa hàng, quầy hàng...).

✓ Xác định chính xác giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ đồng thời phân bổ phí thu mua cho hàng tiêu thụ nhằm xác định hiệu quả bán hàng.

✓ Kiểm tra, đôn đốc tình hình thu hồi và quản lý tiền hàng, quản lý khách nợ theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, lô hàng số tiền khách nợ, thời hạn và tình hình trả nợ...

✓ Tập hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản chi phí bán hàng, thực tế phát sinh và kết chuyển (hay phân bổ), cho phép bán hàng cho hàng tiêu thụ làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh.

✓ Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng, phục vụ cho việc chỉ đạo và điều hành kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ Tham mưu cho lãnh đạo về các giải pháp để thúc đẩy quá trình bán hàng.

✓ Lập báo cáo bán hàng theo quy định: Báo cáo doanh số bán hàng theo nhân viên, phân tích doanh số theo mặt hàng, chủng loại, địa điểm, bộ phận... Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn bán hàng

• **Thủ quỹ:**

Đóng vai trò quản lý quỹ tiền mặt, tiến hành lập sổ quỹ theo dõi các khoản thu chi hàng ngày của quỹ.

Hàng tháng, thủ quỹ dưới sự chứng kiến của kế toán trưởng tiến hành kiểm kê quỹ, đối chiếu với sổ quỹ, xác định và tìm nguyên nhân chênh lệch nếu có. Bên cạnh đó thủ quỹ cũng đóng vai trò là kế toán tiền mặt tiến hành hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền trong công ty. Đồng thời thủ quỹ cũng chịu trách nhiệm lập các chứng từ cần thiết, thực hiện các giao dịch của doanh nghiệp với ngân hàng.

• **Kế toán thanh toán kiêm thuế:**

- Căn cứ chứng từ phát sinh, kiểm tra các giấy đề xuất (đề xuất thanh toán, đề xuất tạm ứng, Bảng kê thanh toán tạm ứng) trên cơ sở được duyệt.

- Lập sổ sách kế toán tiền mặt phân loại chứng từ, cập nhật, định khoản kịp thời

- Lập sổ sách kế toán tạm ứng, chi tiết cho từng đối tượng.

- Cập nhật kịp thời các số liệu phát sinh vào hồ sơ khai thuế hàng tháng, trình Kế toán trưởng kiểm tra VAT đầu vào vào ngày 25 dương lịch.

- Lưu chứng từ kế toán chứng minh cho các định khoản kế toán tiền mặt, kế toán tạm ứng.

● **Kế toán tiền lương.**

- Tổ chức hạch toán đúng thời gian, số lượng, chất lượng và kết quả lao động; tính đúng, tính đủ và thanh toán kịp thời tiền lương và các khoản liên quan cho người lao động.

- Tính toán, phân bổ chính xác chi phí tiền lương, tiền công và các khoản trích như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho các đối tượng sử dụng có liên quan.

- Định kỳ tiến hành phân tích tình hình sử dụng lao động, tình hình quản lý và chi tiêu quỹ lương; cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết khác cho các bên có liên quan.

● **Kế toán tài sản cố định.**

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số hiện có và hình hình tăng, giảm TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như của từng bộ phận trên các mặt số lượng, cơ cấu, giá trị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ.

- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng đắn chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng TSCĐ.

- Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đôn đốc đưa TSCĐ được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.

- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

- Lập các báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng, bảo quản các TSCĐ.

*2.1.3.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam*



Cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam thực hiện hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp dựa theo những quy định hướng dẫn của Chuẩn mực và Chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành.

Chế độ kế toán công ty áp dụng được ban hành theo quyết định số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể chính sách kế toán được áp dụng tại công ty như sau:

- Niên độ kế toán: bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Kì kế toán: năm

- Chuẩn mực kế toán: Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Việt Nam đồng, đơn vị tính: đồng

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất trong kì: phương pháp Bình quân liên hoàn.

- Phương pháp tính giá trị hao mòn tài sản cố định: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Hình thức sổ sử dụng: Nhật ký chung.

- Tài khoản sử dụng cho kế toán xác định kết quả kinh doanh: TK 421, TK 511, TK 515, TK 632, TK 635, TK 152, TK642, TK 711, TK 811, TK 821, TK 911.

- **Phương pháp đánh giá tài sản cố định:**

- Mọi tư liệu lao động có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên và có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên thì được gọi là tài sản cố định. Tài sản cố định được đánh giá theo nguyên giá.

- Nguyên giá tài sản cố định ( NGTSCĐ) được xác định theo nguyên tắc sau:

-  $NGTSCĐ = \text{Giá mua} + \text{Chi phí vận chuyển} + \text{Chi phí lắp đặt chạy thử}$

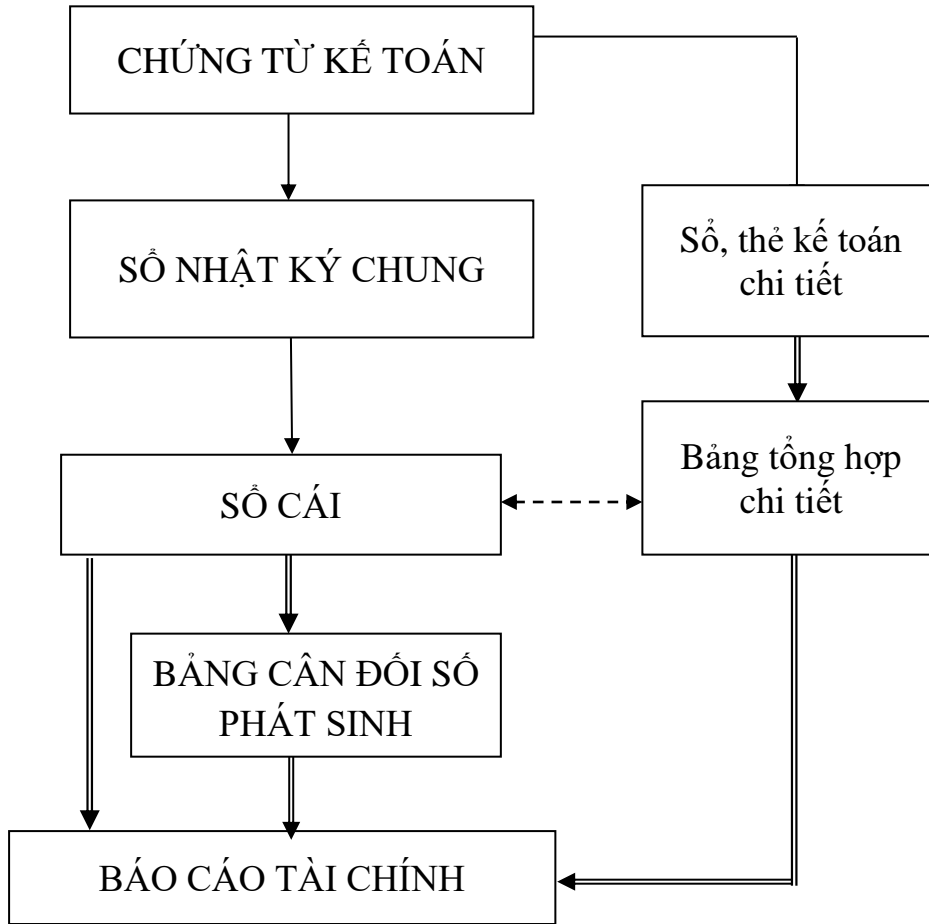
- Công ty áp dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng để tính khấu hao tài sản cố định.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: ghi theo nguyên giá của TSCĐ.



- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức này đối với nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã đáp ứng được yêu cầu dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.

2.1.3.3: Trình tự và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.



Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$
  - Ghi cuối tháng, định kỳ  $\Longrightarrow$
  - Kiểm tra, đối chiếu  $\langle\text{-----}\rangle$

Hàng ngày, kế toán tập hợp, kiểm tra và phân loại chứng từ gốc, căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ “ Nhật ký chung”, “Sổ, thẻ kế toán chi tiết”, “Bảng tổng hợp chi tiết”. Sau đó từ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản. Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ. Luôn đối chiếu giữa các sổ liệu chi tiết và đảm bảo chính xác, trung thực thông tin đã nhập trong kì.

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu trên “Sổ cái”, lập “Bảng cân đối số phát sinh”. Sau khi đối chiếu trùng khớp số liệu ghi trên “Sổ cái” và “Bảng tổng hợp chi tiết” (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các “Báo cáo tài chính”. “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên “Bảng cân đối số phát sinh” phải bằng “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên sổ “Nhật ký chung” cùng kỳ.

#### *2.1.3.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.*

*Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:*

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01-DN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

### **2.2.1. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

❖ *Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam*

+ Về phương thức thanh toán:

Tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam áp dụng hai phương thức thanh toán đó là thanh toán ngay khi mua, bán hàng và thanh toán chậm, *Cụ thể:*

Với những khách hàng là cá nhân mua hàng với số lượng ít và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty, công ty sẽ áp dụng phương thức thanh

toán ngay. Đối với khách hàng mua hàng thường xuyên với số lượng lớn công ty thường áp dụng phương thức chậm trả.

+ Các hình thức thanh toán:

Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam áp dụng 2 hình thức thanh toán là bằng chuyển khoản và tiền mặt. Các khoản thanh toán với người mua, Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam và đối tác không căn cứ vào giá trị hợp đồng.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- + Hợp đồng mua bán hàng hóa
- + Hợp đồng gia công hàng hóa
- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Giấy báo có
- + Phiếu thu
- + Các chứng từ khác có liên quan ....

❖ *Tài khoản sử dụng:*

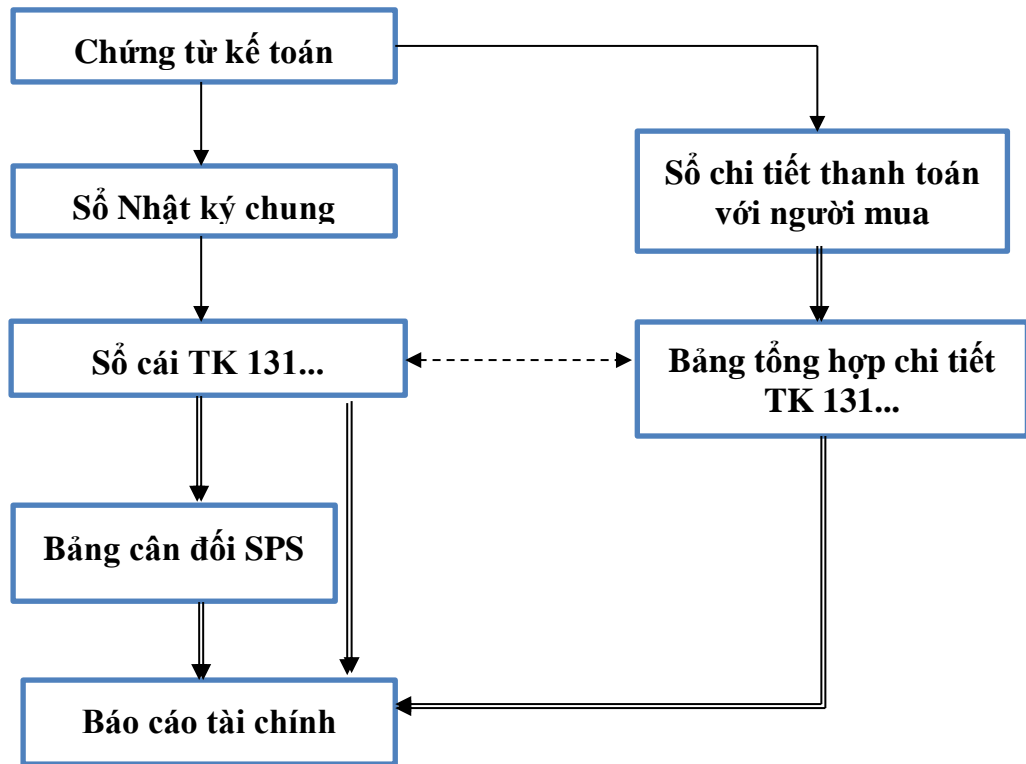
TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng.

❖ *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan

❖ *Quy trình hạch toán*



**Ghi chú:** —————> Ghi hàng ngày  
 = = = = => Ghi định kỳ  
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc, ghi chép vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,... Đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản phải thu cho từng khách hàng.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng. Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu trên “Sổ cái TK 131”, lập “Bảng cân đối số phát sinh”. Sau khi đối chiếu trùng khớp số liệu ghi trên “Sổ cái TK 131” và “Bảng tổng hợp chi tiết” (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), số liệu được dùng để lập các “Báo cáo tài chính”.

**Ví dụ 1:** Ngày 13/01/2020 Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam bán áo lót nam cho Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam, số tiền là 216.816.092 đồng (Bao gồm cả VAT 10%), Khách hàng chưa thanh toán tiền.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000185 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 511. Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK 511, sổ cái TK 333.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng. Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu trên “Sổ cái TK 131”, lập “Bảng cân đối số phát sinh”. Sau khi đối chiếu trùng khớp số liệu ghi trên “Sổ cái TK 131” và “Bảng tổng hợp chi tiết” (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), số liệu được dùng để lập các “Báo cáo tài chính”.

**Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000185**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: CM/20E			
Ngày 13 tháng 01 năm 2020		Số: <b>0000185</b>			
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam</b> Mã số thuế: 2400515053 Địa chỉ: Lô R KCN Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, Số TK: 0351 000 777 749					
Họ tên người mua hàng: <b>Đỗ Thị Yên</b> Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam.</b> Mã số thuế: 2400820498 Địa chỉ: Lô A Khu công nghiệp Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Áo lót nam, mã hàng 8V2012684	Chiếc	14.214	13.867	197.105.538
Cộng tiền hàng					197.105.538
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT		19.710.554	
Tổng cộng tiền thanh toán					216.816.092
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm mười sáu nghìn, không trăm chín mươi hai đồng chẵn.</i>					
Người mua (ký, ghi rõ họ tên)			Người bán (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Ví dụ 2:** Ngày 28/02/2020, Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam thanh toán tiền mã hàng 8V2012684 theo hóa đơn GTGT số 0000185 ngày 13/01/2020 cho Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam, số tiền 216.816.092 đồng, bằng tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam để kế toán lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

***Biểu số 2.2: Giấy báo có của ngân hàng***


	<b>Số: 253</b>
	Mã GDV:
<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	PHUONGDTK
Ngày: 28/02/2020	Mã KH: 777749
Kính gửi: Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam	
Mã số thuế: 2400515053	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam thanh toán tiền mã hàng 8V2012684 theo hóa đơn GTGT số 0000185 ngày 13/01/2020	
Số tài khoản ghi CÓ: 0351 000 777 749	
Số tiền bằng số: 216.816.092, đồng	
Số tiền bằng chữ: <i>Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm mười sáu nghìn, không trăm chín mươi hai đồng chẵn./</i>	
Nội dung: <i>##Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam thanh toán tiền hàng##</i>	
<b>Giao dịch viên</b>	<b>Kiểm soát</b>

**Ví dụ 3:** Ngày 15/12/2020, Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam số tiền là 461.280.000 đồng, bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

***Biểu số 2.3: Giấy báo có của ngân hàng***

	<b>Số: 1287</b>
	Mã GDV: PHUONGDTK
<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã KH: 777749
Ngày: 15/12/2020	
Kính gửi: Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam	
Mã số thuế: 2400515053	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited ứng trước tiền theo hợp đồng	
Số tài khoản ghi CÓ: 0351 000 777 749	
Số tiền bằng số: 461.280.000, đồng	
Số tiền bằng chữ: <i>Bốn trăm sáu mươi một triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./</i>	
Nội dung: <i>##Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam ứng tiền hàng ##</i>	
<b>Giao dịch viên</b>	<b>Kiểm soát</b>



**Ví dụ 4:** Ngày 31/12/2020, theo hóa đơn GTGT số 0002287 Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam xuất hàng đợt 1 bàn giao cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited với trị giá 85.878.000 đồng, giá trị tiền hàng được trừ vào tiền ứng trước.

Căn cứ vào hóa đơn số 0002287 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 511.

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng.

**Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 002287**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: CM/20E		
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Số: <b>0002287</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam</b>					
Mã số thuế: 2400515053					
Địa chỉ: Lô R KCN Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, Số TK: 0351 000 777 749					
Họ tên người mua hàng: <b>Đỗ Thị Yên</b>					
Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited .</b>					
Mã số thuế: 2400987256					
Địa chỉ: Số 13/21 Lô C Khu Công nghiệp - Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Quần lót nữ, mã hàng HM20-0064	Chiếc	500	45.250	22.625.000
2	Quần lót nữ, mã hàng HM20-0065	Chiếc	500	51.260	25.630.000
3	Quần bơi nữ, mã hàng HB74-0874	Chiếc	300	36.150	10.845.000
4	Quần bơi nữ, mã hàng HB74-0875	Chiếc	300	89.260	26.778.000
	(Giao hàng đợt 1)				
	/				
<b>Cộng tiền hàng</b>					<b>85.878.000</b>
<b>Thuế GTGT : 10%</b>		<b>Tiền thuế GTGT</b>			<b>8.587.800</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>94.465.800</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín mươi tư triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm đồng chẵn.</i>					
Người mua (ký, ghi rõ họ tên)			Người bán (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					



**Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung**

Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc  
Giang.

Mẫu số: S03a- DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2020

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
13/01/20	HD 185	13/01/20	Bán áo lót nam cho Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam	131 511 333	216.816.092	197.105.538 19.710.554
...	...	...	...	...	...	...
28/02/20	GBC 253	28/02/20	Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam thanh toán tiền hàng	112 131	216.816.092	216.816.092
			...			
13/03/20	HD 886	13/03/20	Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long bàn giao hàng gia công xong	154 133 331	822.978.100 82.297.810	905.275.910
			...			
14/04/20	GBN 615	14/04/20	Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long	331 112	905.275.910	905.275.910
			...			
31/07/20	HĐ 916	31/07/20	Thuê Công ty TNHH YI DA Việt Nam gia công khẩu trang	154 133 331	184.720.000 18.472.000	203.192.000
			...			
01/08/20	GBN 803	01/08/20	Thanh toán 50% cho Công ty TNHH YI DA Việt Nam	331 112	101.596.000	101.596.000
			...			
10/10/20	HD 1772	10/10/20	Bán hàng cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited	131 511 333	198.705.540	180.641.400 18.064.140
			...			
15/12/20	GBC 1287	15/12/20	Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited ứng tiền hàng	111 131	461.280.000	461.280.000
			...			
31/12/20	HD 2287	31/12/20	Bàn giao hàng cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited theo tiến độ	131 511 333	94.465.800	85.878.000 8.587.800
			...			
			<b>Cộng phát sinh năm</b>		<b>18.982.681.534.858</b>	<b>18.982.681.534.858</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.6 : Trích sổ cái tài khoản 131**



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang.

Mẫu số: S03a- DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Năm 2020

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		3.030.781.395	
		...			
HD 185	13/01/20	Bán hàng cho Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam	511 333	197.105.538 19.710.554	
		...			
GBC 253	28/02/20	Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam thanh toán tiền hàng	112		216.816.092
		...			
HD 1772	10/10/20	Bán hàng cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited	511 333	180.641.400 18.064.140	
		...			
GBC 1287	15/12/20	Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited ứng tiền hàng theo hợp đồng	112		461.280.000
		...			
HD 2287	31/12/20	Bàn giao hàng cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited theo tiến độ hợp đồng.	511 333	85.878.000 8.587.800	
		...			
GBC 1315	31/12/20	Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam ứng tiền hàng	112		210.000.000
		...			
		Cộng phát sinh năm		85.875.589.547	85.226.651.944
		Số dư cuối kỳ		3.679.718.998	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng**



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang.

Mẫu số S13 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng : Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited

**Năm 2020**

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				1.583.574.268	
			...					
15/12/20	GBC 1287	15/12/20	Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited ứng tiền hàng theo hợp đồng	112		461.280.000		461.280.000
31/12/20	HD 2287	31/12/20	Bán hàng cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited theo tiến độ hợp đồng.	511 333	85.878.000 8.587.800			375.402.000 383.989.800
			...					
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>7.985.719.805</b>	<b>7.515.265.875</b>	
			Số dư cuối kỳ				<b>54.028.198</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang.

Mẫu số S13 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng**

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam

Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				568.798.214	
			...					
13/01/20	HD 185	13/01/20	Bán hàng cho Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam	511 333	197.105.538 19.710.554		1.120.116.215 1.139.826.769	
			...					
28/02/20	GBC 253	28/02/20	Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam thanh toán tiền hàng	112		216.816.092	2.156.334.520	
			...					
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>11.026.587.920</b>	<b>10.125.689.742</b>	
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>1.469.696.392</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang.

Mẫu số S14 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng**

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

T T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
4	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Bình An		450.000.000	3.568.754.286	2.875.425.980	243.328.306	
	...						
6	Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited	1.583.574.268		7.985.719.805	7.515.265.875	54.028.198	
	...						
10	Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam	568.798.214		11.026.587.920	10.125.689.742	1.469.696.392	
11	Công ty TNHH Thương mại T&T	258.450.210		0	0	258.450.210	
12	Công ty Cổ phần may mặc Long Trung Sách	542.568.330		0	0	542.568.330	
	...						
	<b>Cộng</b>	<b>4.289.756.845</b>	<b>1.258.975.450</b>	<b>85.875.589.547</b>	<b>85.226.651.944</b>	<b>5.368.975.980</b>	<b>1.689.256.982</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

## **2.2.2 Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

❖ *Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam*

+ Về phương thức thanh toán:

Tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam áp dụng hai phương thức thanh toán đó là thanh toán ngay khi mua, bán hàng và thanh toán chậm, *Cụ thể:*

Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ, lẻ có giá trị thấp bằng tiền mặt hay bằng tiền gửi ngân hàng, còn với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng nhiều công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy vào thỏa thuận giữa hai bên.

+ Các hình thức thanh toán:

Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam áp dụng 2 hình thức thanh toán là bằng chuyển khoản và tiền mặt. Đối với nhà cung cấp Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị hợp đồng từ 20 triệu đồng trở lên thì Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam yêu cầu bắt buộc phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20 triệu đồng Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam cho phép có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tùy theo thỏa thuận giữa hai bên, tuy nhiên Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam khuyến khích thanh toán bằng chuyển khoản.

❖ *Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:*

- + Hợp đồng mua bán
- + Hợp đồng gia công hàng hóa
- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ liên quan khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*



TK 331 – Phải trả người bán.

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

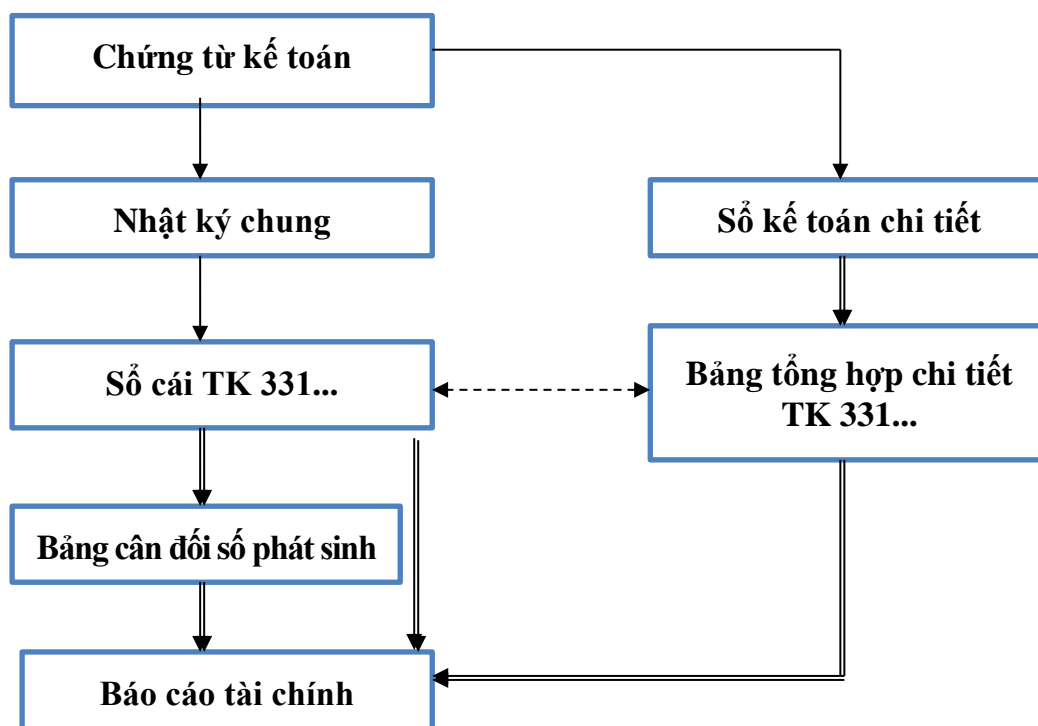
Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331: Phải trả người bán
- + TK 152: Nguyên vật liệu
- + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- + TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- + ...

❖ *Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:*

- + Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết phải trả người bán
- + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

❖ *Quy trình hạch toán*



**Ghi chú:**

- : Ghi hàng ngày
- ==→ : Ghi định kỳ
- ←- - - -> : Đối chiếu kiểm tra

**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 154, TK 133,...
- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán.

**Ví dụ 1:** Ngày 13/03/2020, công ty nhận hàng thuê Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long gia công, trị giá chưa có VAT 10% theo hóa đơn GTGT số 0000886: 822.978.100 đồng, chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000886 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 154, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán.

**Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 0000 886**


<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: HL/20E		
Ngày 13 tháng 03 năm 2020			Số: <b>0000886</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VÀ DỊCH VỤ HÙNG LONG</b>					
Mã số thuế: 0900183772					
Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên					
Số tài khoản: 4661 0000000087 ngân hàng BIDV – CN Bắc Hưng Yên					
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Sinh					
Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam</b>					
Mã số thuế: 2400515053					
Địa chỉ: Lô R KCN Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, Số TK: 0351 000 777 749					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Áo lót nữ, MH 7V5587667	Chiếc	4.348	11.520	50.088.960
2	Áo lót nữ, MH 7V5587668	Chiếc	4.340	26.496	114.992.640
3	Áo lót nữ, MH 7V5587669	Chiếc	2.370	26.496	62.795.520
4	Áo lót nữ, MH 7V5587670	Chiếc	8.850	18.540	164.079.000
5	Áo lót nữ, MH 7V5587671	Chiếc	8.550	33.580	287.109.000
6	Áo lót nữ, MH 7V5587671	Chiếc	1.150	11.490	13.213.500
7	Áo lót nữ, MH 7V5587673	Chiếc	890	41.472	36.910.080
8	Áo lót nữ, MH 7V5587674	Chiếc	580	43.776	25.390.080
9	Áo lót nữ, MH 7V5587675	Chiếc	2.250	22.580	50.805.000
10	Áo lót nữ, MH 7V5587676	Chiếc	680	25.874	17.594.320
Cộng tiền hàng					822.978.100
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			82.297.810
Tổng cộng tiền thanh toán					905.275.910
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín trăm linh năm triệu, hai trăm bảy mươi năm nghìn, chín trăm mười đồng chẵn</i>					
Người mua (ký, ghi rõ họ tên)			Người bán (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Ví dụ 2:** Ngày 14/04/2020, công ty thanh toán tiền gia công hàng cho Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long theo hóa đơn GTGT 886 ngày 13/03/2020 bằng chuyển khoản, số tiền 905.275.910 đồng.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

***Biểu số 2.11: Ủy nhiệm chi***

		Số: 615
<p><b>ỦY NHIỆM CHI</b>  <b>PAYMENT ORDER</b>                  Ngày: 14 tháng 04 năm 2020</p>		
	Số tiền: 905.275.910	VNĐ
Bằng chữ: Chín trăm linh năm triệu, hai trăm bảy mươi năm nghìn, chín trăm mười đồng chẵn. Nội dung: Thanh toán tiền cho Công ty Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long		Phí NH: <input type="checkbox"/> Phí trong <input type="checkbox"/> Phí ngoài
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam Số tài khoản: 0351 000 777 749 Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Bắc Ninh		ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VÀ DỊCH VỤ HƯNG LONG Số tài khoản: 4661 0000000087 Tại NH: Ngân hàng BIDV – CN Bắc Hưng Yên
KẾ TOÁN TRƯỞNG    CHỦ TÀI KHOẢN    NGÂN HÀNG GỬI    NGÂN HÀNG NHẬN <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <span><i>Giao dịch viên</i></span> <span><i>Giao dịch viên</i></span> </div>		

**Biểu số 2.12: Giấy báo nợ của ngân hàng**



**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày: 14/04/2020

**Số: 615**

Mã GDV: PHUONGDTK

Mã KH: 777749

Kính gửi: **Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

Mã số thuế: 2400515053

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Thanh toán tiền gia công hàng cho Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long theo hóa đơn GTGT 886 ngày 13/03/2020.

Số tài khoản ghi NỢ : 0351 000 777 749

Số tiền bằng số: 905.275.910, đồng

Số tiền bằng chữ: *Chín trăm linh năm triệu, hai trăm bảy mươi năm nghìn, chín trăm mười đồng chẵn./*

Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Ví dụ 3:** Ngày 31/07/2020, công ty nhận hàng thuê Công ty TNHH YI DA Việt Nam gia công, trị giá chưa có VAT 10% theo hóa đơn GTGT số 0000916: 184.720.000 đồng, chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000916 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 154, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán.

**Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT số 0000 916**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: HP/20E		
Ngày 31 tháng 07 năm 2020			Số: <b>0000916</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH YI DA VIỆT NAM</b>					
Mã số thuế: 2600958687					
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Thị trấn Sông Thao – Huyện Cẩm Khê – Tỉnh Phú Thọ					
Số tài khoản: 0801000068688 ngân hàng Vietcombank – CN Phú Thọ					
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Sinh					
Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam</b>					
Mã số thuế: 2400515053					
Địa chỉ: Lô R KCN Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang					
Hình thức thanh toán: Chuyên khoản, Số TK: 0351 000 777 749					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Gia công khẩu trang khử Ozone Mã hàng V6 – 3	Chiếc	40.000	4.618	184.720.000
Cộng tiền hàng					184.720.000
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT		18.472.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					203.192.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm lẻ ba triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn					
Người mua (ký, ghi rõ họ tên)			Người bán (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					





**Biểu số 2.15: Giấy báo nợ của ngân hàng**



**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày: 01/08/2020

**Số: 803**

Mã GDV: PHUONGDTK

Mã KH: 777749

Kính gửi: **Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

Mã số thuế: 2400515053

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Thanh toán 50 % tiền thuê Công ty TNHH YI DA Việt Nam gia công khâu trang khử khuẩn theo Hóa đơn GTGT số 916 ngày 31/07/2020.

Số tài khoản ghi NỢ : 0351 000 777 749

Số tiền bằng số: 101.596.000, đồng

Số tiền bằng chữ: *Chín trăm linh năm triệu, hai trăm bảy mươi năm nghìn, chín trăm mười đồng chẵn./*

Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty TNHH YI DA Việt Nam ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu số 2.16: Nhật ký chung**



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc  
Giang.

Mẫu số: S03a- DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2020

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
13/01/20	HD 185	13/01/20	Bán áo lót nam cho Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam	131 511 333	216.816.092	197.105.538 19.710.554
...	...	...	...	...	...	...
28/02/20	GBC 253	28/02/20	Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam thanh toán tiền hàng	112 131	216.816.092	216.816.092
			...			
13/03/20	<b>HD 886</b>	13/03/20	<b>Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long bàn giao hàng gia công xong</b>	<b>154 133 331</b>	<b>822.978.100 82.297.810</b>	<b>905.275.910</b>
			...			
14/04/20	<b>GBN 615</b>	14/04/20	<b>Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long</b>	<b>331 112</b>	<b>905.275.910</b>	<b>905.275.910</b>
			...			
31/07/20	<b>HĐ 916</b>	31/07/20	<b>Thuê Công ty TNHH YI DA Việt Nam gia công khẩu trang</b>	<b>154 133 331</b>	<b>184.720.000 18.472.000</b>	<b>203.192.000</b>
			...			
01/08/20	<b>GBN 803</b>	01/08/20	<b>Thanh toán 50% cho Công ty TNHH YI DA Việt Nam</b>	<b>331 112</b>	<b>101.596.000</b>	<b>101.596.000</b>
			...			
10/10/20	HD 1772	10/10/20	Bán hàng cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited	131 511 333	198.705.540	180.641.400 18.064.140
			...			
15/12/20	GBC 1287	15/12/20	Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited ứng tiền hàng	111 131	461.280.000	461.280.000
			...			
31/12/20	HD 2287	31/12/20	Bàn giao hàng cho Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited theo tiến độ	131 511 333	94.465.800	85.878.000 8.587.800
			<b>Cộng phát sinh năm</b>		<b>18.982.681.534.858</b>	<b>18.982.681.534.858</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên--)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.17: Trích sổ cái tài khoản 331**



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc  
Giang.

Mẫu số: S03b- DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Phải trả người bán, Số hiệu: 331

Năm 2020

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			32.433.156.090
		...			
HD 886	13/01/20	Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long bàn giao hàng gia công xong	154 133		822.978.100 82.297.810
..	...	...			
GBN 615	14/04/20	Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long	112	905.275.910	
		...			
HD 841	30/06/20	Mua vật tư của Công ty TNHH Vạn Xuân	152 133		869.450.500 86.945.050
		...			
HĐ 916	31/07/20	Thuê Công ty TNHH YI DA Việt Nam gia công khâu trang	154 133		184.720.000 18.472.000
		...			
GBN 803	01/08/20	Thanh toán 50% cho Công ty TNHH YI DA Việt Nam	112	101.596.000	
		...			
HD 1058	30/10/20	Mua vật tư của Công ty TNHH Vạn Xuân	152 133		648.558.210 64.855.821
		...			
		Cộng phát sinh năm		354.020.808.077	321.587.651.987
		Số dư cuối kỳ			12.178.915.262

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.18: Sổ chi tiết phải trả người bán**



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang.

Mẫu số S13 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán  
Đối tượng: Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long  
Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<b>689.572.142</b>
			...					
13/03/20	HD 886	13/01/20	Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long bàn giao hàng gia công xong	154 133		822.978.100 82.297.810		1.452.558.256 1.534.856.066
			...					
14/04/20	GBN 615	14/04/20	Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long	112	905.275.910			631.256.667
			...					
			Cộng số phát sinh		<b>10.879.368.557</b>	<b>9.158.367.558</b>		
			Số dư cuối kỳ				<b>1.031.428.857</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.19: Sổ chi tiết phải trả người bán**



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang.

Mẫu số S13 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán  
Đối tượng: Công ty TNHH YI DA Việt Nam  
Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<b>0</b>
			...					
31/07/20	HĐ 916	31/07/20	Thuê Công ty TNHH YI DA Việt Nam gia công khẩu trang	154 133		184.720.000 18.472.000		521.558.260 540.030.260
			...					
01/08/20	GBN 803	01/08/20	Thanh toán 50% cho Công ty TNHH YI DA Việt Nam	112	101.596.000			101.596.000
			...					
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.265.879.234</b>	<b>1.658.972.541</b>		
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					<b>393.093.307</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp phải trả người bán**



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang.

Mẫu số S14 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

**Năm 2020**

*Đơn vị tính: Đồng*

T T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Cổ phần May và Dịch vụ Hưng Long		689.572.142	10.879.368.557	9.158.367.558	1.031.428.857	
2	Công ty TNHH YI DA Việt Nam		0	1.265.879.234	1.658.972.541		393.093.307
3	Công ty TNHH Vạn Xuân		258.745.854	897.562.874	987.651.122		348.834.102
...	...						
	<b>Cộng</b>	<b>9.565.015.282</b>	<b>41.998.171.372</b>	<b>354.020.808.077</b>	<b>321.587.651.987</b>	<b>22.939.930.363</b>	<b>35.118.845.625</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH  
CRYSTAL MARTIN VIỆT NAM**

**3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.**

Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm may mặc. Trong thời kỳ kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình với sự phát triển của hệ thống nhà cung cấp và khách hàng trong và ngoài nước. Vì vậy, kế toán thanh toán với nhà cung cấp và khách hàng càng phải hoàn thiện hơn.

Kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam có những ưu điểm và tồn tại nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán thanh toán là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế và khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng đáp ứng được vai trò của mình trong doanh nghiệp.

**3.1.1. Ưu điểm**

**- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:**

+ Công ty đã tổ chức bộ máy hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, nhanh chóng cho các cấp quản lý khi cần.

+ Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ. Bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

**- Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, cán bộ kế toán được bố trí hợp lý, đúng người đúng việc. Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.



**- Về hình thức kế toán:**

Hiện nay, công ty đang áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và kịp thời.

**- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính của Công ty**

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số TT 200/2014/TT-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

**- Về công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:**

Công tác thanh toán nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu tương đối kịp thời.

**3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam còn bộc lộ những hạn chế sau:

**+ Thứ nhất, Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.**

Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi mặc dù thực tế có phát sinh. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai và số liệu trên Bảng

---

cân đối kế toán không phản ánh đúng tình hình tài chính tại doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.

+ ***Thứ hai, về công tác thu theo dõi, thu hồi nợ và việc áp dụng các chính sách nhằm tăng cường công tác thu hồi nợ.***

Công ty bán hàng cho khách hàng có thời hạn thanh toán dài nhưng công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để thu tiền sớm và điều này làm cho công ty thường xuyên lâm vào tình trạng thiếu vốn phải huy động bên ngoài, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

***Thứ ba, về công tác thanh toán cho người bán.***

Công ty có nhiều hoạt động mua hàng của những công ty khác, số tiền nợ người bán tương đối lớn, nhiều khoản thanh toán với người cung cấp chưa trả đúng hạn, chậm trả, điều này làm giảm uy tín của công ty với các đối tác.

**Biểu số 3.1:** Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2020



Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU**

**ĐẾN NGÀY 31/12/2020**

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Bình An	243.328.306	243.328.306			
2	Công ty TNHH Global (Hong Kong) Limited	54.028.198	54.028.198			
3	Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam	1.469.696.392		1.469.696.392		
4	Công ty TNHH Thương mại T&T	258.450.210			258.450.210	
5	Công ty Cổ phần may mặc Long Trung Sách	542.568.330			542.568.330	
	....					
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.368.975.980</b>	<b>1.015.410.144</b>	<b>2.785.230.486</b>	<b>1.568.335.350</b>	

Hải phòng, ngày .....Tháng .....Năm ....

Người lập  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

Trong quá trình phát triển của kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển hơn nữa. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại. Để đạt được mục tiêu của mình Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam phải hoàn thiện hơn, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng.

Nghiệp vụ thanh toán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nên việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam**

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán

được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

- Hoàn thiện phải đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Hoàn thiện phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn.

### **3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam.**

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam ngoài những mặt tích cực thì về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số ý kiến đề xuất để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty như sau:

#### **➤ Kiến nghị thứ 1: Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi .**

Hiện nay, Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công. Vì vậy, việc

trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

*\* Về căn cứ của việc trích lập dự phòng:*

Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 48/2019-BTC ngày 28/8/2019.

*\* Đối tượng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

Đối tượng lập dự phòng là các khoản nợ phải thu (bao gồm cả các khoản doanh nghiệp đang cho vay và khoản trái phiếu chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu) đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng doanh nghiệp không thu hồi được đúng hạn.

*\* Điều kiện để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

+ Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ; Bản thanh lý hợp đồng (nếu có); Đối chiếu công nợ; ....

+ Phải có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại.

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

*\* Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:* từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 30%, từ 1 năm đến dưới 2 năm: 50%, từ 2 năm đến dưới 3 năm: 70%, từ 3 năm trở lên: 100%.

\* *Tài khoản sử dụng*: Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

- Kết cấu của tài khoản 2293 : dự phòng phải thu khó đòi

+ **Bên nợ:**

- Hoàn nhập giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi

+ **Bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ **Số dư bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

\* *Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập kì trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí , ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi cần trích bổ sung

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi ghi giảm

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642 - Nếu chưa lập dự phòng

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có K 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ . Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112...- Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có 131, 138 : các khoản phải thu

**Ví dụ 3.2:** Theo kết quả tính toán được số tiền công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại 31/12/2020 được thể hiện trong bảng sau:





Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam  
Lô R KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc  
Giang.

## BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31/12/2020

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Thương mại T&T	258.450.210	1 năm 11 ngày	50%	129.225.105
2	Công ty Cổ phần may mặc Long Trung Sách	542.568.330	1 năm 3 tháng 2 ngày	50%	271.284.165
.	...				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.568.335.350</b>			<b>805.840.250</b>

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2020 cho khoản nợ quá hạn là: 805.840.250 đồng.

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 805.840.250

Có TK 229(3) : 805.840.250

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

➤ **Kiến nghị thứ 2: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để quản lý cũng như thu hồi nợ phải thu khách hàng.**

- *Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng nhằm thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.*

*Chiết khấu thanh toán:* là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

❖ *Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán:*

Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay để đảm bảo quyền lợi của hai bên.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Vietcombank Bắc Ninh tại ngày 31/12/2020 là 5.2% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,5%/năm. Công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,5%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước 15 ngày .
- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày
- Chiết khấu 0,7%/tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

❖ *Phương pháp hạch toán:*

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

*Nợ TK 635 :Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng*

*Có TK 131, 111, 112*

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách

hàng kéo dài thời gian, khắt lằn việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

**Ví dụ** : Ngày 13/01/2020, theo hóa đơn GTGT số 0000185 công ty bán hàng cho Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam với trị giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%: 216.816.092 đồng, chưa thu tiền.

Theo hợp đồng kinh kế được ký kết giữa 2 công ty thì thời hạn thanh toán là trong vòng 45 ngày. Giả sử Công ty TNHH Cexes Intimate Việt Nam thanh toán ngay tiền khi nhận hàng và được Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam cho hưởng chiết khấu thanh toán với mức như trên thì số tiền chiết khấu thanh toán được tính như sau:  $(216.816.092 \times 0,7\% \times 45)/30 = 2.276.569$  đồng.

Số tiền chiết khấu này được trừ vào tiền hàng trước khi thanh toán, khi đó kế toán sẽ định khoản:

Nợ TK 635: 2.276.569

Có TK 131: 2.276.569

- *Đối chiếu công nợ định kì của doanh nghiệp*

Công ty phải thường xuyên đối chiếu công nợ định kì vào cuối tháng để có thể quản lý chặt chẽ mà không bỏ sót một khoản nợ nào của người mua và người bán. Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc sớm thu hồi các khoản nợ để không bị tồn đọng vốn, cũng như lên kế hoạch để thanh toán các khoản nợ người bán tránh để nợ bị quá hạn

Với công nợ phải trả, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ .

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:



Hải phòng, ngày .....tháng ... năm .....

### BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng hóa.
- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên.

Hôm nay, ngày... tháng....năm ..... tại văn phòng Công ty ....., chúng tôi gồm có:

1. **Bên A (Bên mua):** .....

- Địa chỉ : .....
- Mã số thuế : .....
- Điện thoại : ..... Fax: .....
- Đại diện : ..... Chức vụ: .....

2. **Bên B (Bên bán):** Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam

- Địa chỉ : .....
- Mã số thuế : .....
- Điện thoại : ..... Fax: .....
- Đại diện : ..... Chức vụ: .....

Cùng nhau đối chiếu công nợ đến thời điểm ngày .... tháng..... năm.....

STT	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	PS Nợ	Ps Có
Công nợ đầu kỳ					
Số phát sinh trong kỳ					
Tổng cộng					
Số dư cuối kì					

3. **Kết luận:** Tính đến hết ngày.. tháng .... năm..... bên A phải thanh toán cho Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam số tiền là:

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

<b>ĐẠI DIỆN BÊN A</b>	<b>ĐẠI DIỆN BÊN B</b>
-----------------------	-----------------------

➤ ***Kiến nghị thứ 3: Về thanh toán cho người bán đúng hạn.***

Các khoản nợ phải trả người bán nhìn chung đã được công ty thanh toán đúng hạn. Tuy nhiên vẫn còn phát sinh những khoản nợ mà công ty chưa thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp do công ty còn gặp khó khăn về vốn. Khoản nợ quá hạn này làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty trong quan hệ thanh toán.

Vì vậy, công ty cần xây dựng kế hoạch trả nợ chi tiết cho từng nhà cung cấp. Muốn thực hiện được kế hoạch trả nợ thì Công ty cần xây dựng được kế hoạch về vốn để thanh toán kịp thời, đúng hạn cho nhà cung cấp trong trường hợp đến hạn thanh toán.

Nếu công ty làm được điều này sẽ làm tăng uy tín của mình đối với các nhà cung cấp, tạo niềm tin đối với các đối tác làm ăn với doanh nghiệp.

## **KẾT LUẬN**

Kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công ty có những ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC.

+ Về công tác kế toán thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

- + Công tác trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi
- + Công tác quản lý và thu hồi nợ phải thu khách hàng
- + Về công tác thanh toán nợ với người bán

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam:

- Kiến nghị về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo đề nguyên tắc thận trọng trong kế toán.
- Kiến nghị về việc xây dựng các biện pháp thu hồi nợ phải thu.
- Kiến nghị về công tác thanh toán nợ cho người bán

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của ThS. Lê Thị Nam Phương để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 200/TT - BTC (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam (2020) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên mạng internet.